

Số: *M31/QĐ-UBND*

Lào Cai, ngày *17* tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ
rủi ro thiên tai năm 2018 trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013;
Căn cứ Nghị định số 66/2014/NĐ-CP ngày 04/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai;
Căn Quyết định số 46/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo về truyền tin thiên tai;
Căn cứ Quyết định số 44/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết về cấp độ rủi ro thiên tai;
Căn cứ Đề án số 1002/QĐ-TTg ngày 13/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng;
Căn cứ Quyết định số 3077/QĐ-UBND ngày 20/9/2016 của UBND tỉnh Lào Cai về việc Phê duyệt Kế hoạch phòng chống thiên tai và TKCN giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh;
Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 54 /TTr-SNN ngày 11/4/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai năm 2018 trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Sở Nông nghiệp và PTNT (*cơ quan thường trực phòng, chống thiên tai*) tổ chức hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các sở, ban, ngành, đơn vị; UBND cấp huyện, cấp xã; các đoàn thể, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và cá nhân liên quan trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện đạt hiệu quả Phương án này. Định kỳ tổng hợp báo cáo UBND tỉnh về tiến độ và kết quả thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. *h*

Nơi nhận:

- Ban Chỉ đạo TW về PCTT;
- Ủy ban Quốc gia TKCN;
- TT.TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Thành viên BCH PCTT và TKCN tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng TT PCTT;
- BBT Công TTĐT tỉnh;
- CVP, PCVP1,3;
- Lưu: VT, THI, NLN1, KTI, QLĐT1, TNMT2

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



h
Nguyễn Hữu Thế

Lào Cai, ngày 17 tháng 4 năm 2018

PHƯƠNG ÁN

**Ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai năm 2018
trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

(Kèm theo Quyết định số: 1131/QĐ-UBND ngày 17/4/2018 của UBND tỉnh Lào Cai)

Phần I

Căn cứ pháp lý, đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội

I. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 66/2014/NĐ-CP ngày 04/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 44/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết về cấp độ rủi ro thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 46/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo về truyền tin thiên tai;

Căn cứ văn bản số 128/TWPCTT ngày 18/8/2015 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai về định hướng xây dựng phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 3077/QĐ-UBND ngày 20/9/2016 của UBND tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt kế hoạch phòng, chống thiên tai và TKCN giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Để chủ động trong công tác ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai, giảm thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững. UBND tỉnh xây dựng và ban hành "**Phương án ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai năm 2018**" như sau:

II. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

1. Đặc điểm tự nhiên

a) *Vị trí địa lý:* Lào Cai là tỉnh miền núi phía Tây Bắc, cách Hà Nội 296 km theo đường sắt và 345 km theo đường bộ (theo đường Quốc lộ 70). Phía Đông giáp tỉnh Hà Giang; phía Tây giáp tỉnh Lai Châu; phía Nam giáp tỉnh Yên Bái, phía Bắc giáp tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) với 182,086 km đường biên giới.

b) *Địa hình:* Địa hình tỉnh Lào Cai rất phức tạp, phân tầng độ cao lớn, mức độ chia cắt mạnh. Hai dãy núi chính là dãy núi Hoàng Liên Sơn và dãy núi Con Voi cùng có hướng Tây Bắc - Đông Nam nằm về phía Đông và phía Tây tạo ra các vùng đất thấp trung bình giữa hai dãy núi này là một vùng về phía Tây dãy Hoàng Liên Sơn. Địa hình đặc trưng chủ yếu là núi cao, đồi dốc, khe sâu; những vùng đất có độ dốc trên 25⁰ chiếm 80% diện tích đất của toàn tỉnh. Địa hình được

chia thành 2 vùng, với đặc trưng nền nhiệt và chịu sự tác động của khí hậu thời tiết, thiên tai khác nhau, gồm:

- Vùng đồi núi cao bao gồm các huyện: Sa Pa, Si Ma Cai, Bắc Hà, Mường Khương, Bát Xát, Văn Bàn thường xuyên chịu tác động của các loại hình thiên tai như tố lốc, lũ ống, lũ quét, mưa đá, mưa lớn, ngập lụt, sạt lở đất, sét, hạn hán, rét đậm, rét hại...

- Vùng thấp gồm các huyện: Bảo Thắng, Bảo Yên, thành phố Lào Cai và một phần của huyện Bát Xát thường bị ngập úng do ảnh hưởng của áp thấp nhiệt đới, hoàn lưu bão, đặc biệt là mưa lớn, mưa cục bộ xảy ra.

- Do tỉnh Lào Cai nằm sâu trong đất liền nên ít chịu ảnh hưởng trực tiếp của Bão nhưng chịu ảnh hưởng của hoàn lưu bão và áp thấp nhiệt đới. Tuy nhiên, do nằm ở phía Đông của dãy núi Con Voi, Hoàng Liên Sơn là một trong những tâm mưa lớn của cả nước (*Bình quân lượng mưa tại trạm Bảo Yên là 2.140 mm/năm, riêng năm 2013 đạt 2.921 mm*). Ảnh hưởng của hoàn lưu bão trên địa bàn tỉnh chủ yếu là giông lốc, mưa kéo dài, mưa lớn gây ngập úng vùng thấp; lũ quét, trượt sạt lở đất ở vùng núi.

c) Hiện trạng sử dụng đất (theo niên giám thống kê năm 2016)

TT	Loại đất	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	Tổng diện tích tự nhiên	636.403,20	100
1	Đất nông nghiệp	486.710,26	76,48
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	135.419,84	21,28
1.2	Đất lâm nghiệp có rừng	348.705,39	54,79
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	2.542,71	0,40
1.4	Đất nông nghiệp khác	42,32	0,01
2	Đất phi nông nghiệp	32.678,12	5,14
2.1	Đất ở	5.012,50	0,79
2.2	Đất chuyên dùng	18.324,53	2,88
2.3	Đất tôn giáo tín ngưỡng	20,36	0,00
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	394,43	0,06
2.5	Sông suối và mặt nước chuyên dùng	8.891,07	1,40
2.6	Đất phi nông nghiệp khác	35,23	0,01
3	Đất chưa sử dụng	117.014,82	18,38
3.1	Đáy bằng chưa sử dụng	835,41	0,13
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	110.185,95	17,31
3.3	Núi đá không có rừng cây	5.993,46	0,94

d) Sông, suối

Lào Cai có hệ thống sông suối dày đặc được phân bố khá đều trên địa bàn tỉnh, trong đó có ba con sông lớn là sông Hồng, sông Chảy và sông Nậm Thi có độ dốc cao, ngắn, hàm lượng phù sa lớn.

- Sông Hồng: Điểm tiếp xúc đầu tiên của sông Hồng với lãnh thổ Việt Nam tại xã A Mú Sung, huyện Bát Xát; chính giữa sông là điểm phân chia lãnh thổ hai nước; đến thành phố Lào Cai, sông Hồng chảy hẳn vào lãnh thổ Việt Nam, trong đó chảy qua tỉnh Lào Cai với chiều dài khoảng 120 km; mực nước cao nhất 8.148 cm; lưu lượng nước cao nhất 3.690m³/s. Sông Hồng góp phần quan trọng trong sinh hoạt và đời sống cũng như trong sản xuất. Song, do lượng phù sa lớn, lòng sông luôn bị bồi lấp kết hợp với mưa lớn khiến cho mực nước thường xuyên thay đổi.

- Sông Chảy: Bắt nguồn từ Trung Quốc chảy qua các huyện: Si Ma Cai, Bắc Hà, Bảo Yên. Độ dài sông Chảy đi qua tỉnh Lào Cai với chiều dài khoảng 124 km; mực nước cao nhất 7.613 cm; lưu lượng nước cao nhất 2.440 m³/s. Sông Chảy góp phần quan trọng trong sinh hoạt, đời sống và sản xuất. Tuy nhiên, sông Chảy bị tác động bởi 11 nhà máy thủy điện ngăn chặn dòng nước, do đó mực nước bị thay đổi bất thường và phụ thuộc nhiều vào sự vận hành của nhà máy.

- Sông Nậm Thi: Bắt nguồn từ Trung Quốc chảy qua các huyện: Mường Khương, Bảo Thắng, thành phố Lào Cai. Độ dài sông Nậm Thi chảy qua tỉnh Lào Cai khoảng 122 km, mùa mưa thường xuyên xảy ra lũ lụt, ngập úng...

- Suối: Ngoài ba con sông chính, trên địa bàn tỉnh Lào Cai còn có khoảng 107 dòng suối lớn, nhỏ về mùa mưa có thể gây sạt lở đất, ngập lụt, lũ ống, lũ quét..., gây thiệt hại về người và tài sản của Nhân dân trên địa bàn tỉnh.

2. Thời tiết, khí hậu

- Lào Cai có khí hậu nhiệt đới gió mùa, chia làm 2 mùa rõ rệt; nhiệt độ trung bình hàng năm từ 22⁰C đến 24⁰C; độ ẩm trung bình trên 80%. Do vị trí địa lý của tỉnh Lào Cai nằm sâu trong đất liền nên ít chịu ảnh hưởng trực tiếp của Bão, nhưng chịu ảnh hưởng của hoàn lưu bão và áp thấp nhiệt đới, giông lốc, mưa kéo dài, mưa lớn làm ngập úng vùng thấp, lũ quét, sạt lở đất...

- Do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu toàn cầu, dự báo diễn biến thời tiết trong năm 2018 có rất nhiều phức tạp, nhiều loại thiên tai bất thường, khó lường, tần suất xuất hiện ngày càng nhiều và nghiêm trọng hơn. Sự nóng lên toàn cầu và biến đổi khí hậu do hiện tượng El Nino, Lanina và sự gia tăng các cơn bão nhiệt đới, hạn hán, lốc, xoáy, mưa đá, giông tố... trong tương lai được dự báo có xu thế gia tăng khốc liệt hơn.

- Lào Cai là tỉnh hội tụ đủ cả ba vùng sinh thái miền núi, trung du, đồng bằng; có địa hình phức tạp chịu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới nóng, ẩm, gió mùa; có nhiều khác biệt về tiểu vùng khí hậu, từ đó thường xuyên chịu ảnh hưởng của 16/19 loại thiên tai như: lốc, mưa đá, lũ, lũ quét, hạn hán, sạt lở, sét, rét hại.... Mặc dù nằm sâu trong đất liền, không chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão nhưng mỗi khi bão mạnh đổ bộ vào các tỉnh ven biển phía Bắc, hoàn lưu của bão kết hợp với rãnh thấp thường gây mưa to đến rất to tạo ra lũ, sạt lở đất đá gây thiệt hại nặng cả về người và tài sản của nhân dân trên địa bàn tỉnh.

3. Dân số, lao động, hộ nghèo

a) Dân số trung bình toàn tỉnh năm 2016: 684.295 người, trong đó: Nam 345.748 người; nữ 338.547 người; bình quân: 108 người/km².

b) Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên

- Tổng số: 432.751 người, trong đó: Nữ 223.614 người; nam 209.137 người.

- Lao động thành thị: 87.544 người, nông thôn 345.207 người.

c) Tỷ lệ hộ nghèo năm 2016: Tính theo tiêu chí mới là 27,41% , trong đó: Thành thị, là 5,42%; Nông thôn, là 35,11 %.

(Số liệu theo niên giám thống kê tỉnh Lào Cai năm 2016)

4. Phát triển các ngành kinh tế năm 2017: Tăng trưởng kinh tế tỉnh Lào Cai được duy trì ổn định; tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm của tỉnh (GRDP) đạt 10,15% (trong đó: Nông lâm thủy sản tăng 6,23%; Công nghiệp - Xây dựng tăng 11,59%; Dịch vụ tăng 10,08%); duy trì cơ cấu kinh tế tích cực, hợp lý (tỷ trọng trong tổng GRDP: Ngành công nghiệp - xây dựng 43,2%; dịch vụ chiếm 42,56%; nông nghiệp 14,24%); GRDP bình quân đầu người đạt 51,2 triệu đồng, tăng 11,3% so năm 2016.

5. Nhà ở: Toàn tỉnh có 597.612 nhà ở, trong đó: 334.631 nhà kiên cố chiếm 55,99%; nhà bán kiên cố 147.023 chiếm 24,6%; nhà khung gỗ lâu bền 92.474 chiếm 15,47%; nhà khác 18.604 chiếm 3,12%. (Theo văn bản số 1145 /BXD-KHCN ngày 28/5/2015 của Bộ Xây dựng và Khoa học Công nghệ thì nhà bán kiên cố chỉ chịu được gió cấp 8, nhà đơn sơ chỉ chịu được gió bão cấp 6). Theo kết quả điều tra đánh giá nhanh chỗ ở an toàn tỉnh Lào Cai có: 122.278 chỗ ở an toàn, tỷ lệ 74,1%; 41.378 chỗ ở kém an toàn, tỷ lệ 25,07%; 1.378 chỗ ở phải di dời khẩn cấp, tỷ lệ 0,83%. Đây là thách thức rất lớn về an sinh xã hội trong công tác phòng chống, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.

(Có phụ biểu 01 kèm theo)

6. Hệ thống thông tin cảnh báo Khí tượng thủy văn

- Mạng lưới trạm Khí tượng thủy văn của tỉnh, gồm: 18 trạm, trong đó 10 trạm của Đài Khí tượng thủy văn Lào Cai (Trạm Khí tượng Lào Cai, Trạm Khí tượng Sa Pa, Trạm Nghiên cứu khí hậu nhiệt đới núi cao Sa Pa, Trạm Khí tượng Bắc Hà, Trạm Khí tượng Bảo Yên, Trạm Thủy văn Lào Cai, Trạm Thủy văn Ngòi Nhù, Trạm Thủy văn Bảo Yên, Trạm Thủy văn Vĩnh Yên, Trạm Thủy văn Bảo Hà). Chi cục Kiểm lâm lắp đặt 8 trạm quan trắc khí tượng phục vụ dự báo, cảnh báo cháy rừng

- Trạm đo mưa 33 trạm, trong đó: 22 trạm đo mưa do Đài Khí tượng thủy văn Lào Cai quản lý, gồm: 06 nhà máy thủy điện và tại các trạm, UBND các xã Ô Quý Hồ, Hàm Rồng (huyện Sa Pa); Phố Lu (huyện Bảo Thắng); Khánh Yên (huyện Văn Bàn); Bảo Nhai, Cốc Ly (huyện Bắc Hà); Mường Hum, Ý Tý, Thị trấn Bát Xát (huyện Bát Xát), Thị trấn Mường Khương, Bản Lầu (huyện Mường Khương); Làng Bông, xã Bảo Hà (huyện Bảo Yên); 10 trạm đo mưa do Văn phòng Thường trực phòng, chống thiên tai quản lý được lắp đặt tại 06 nhà máy thủy điện (Séo Chông Hồ; Tà Thàng; Mường Hum; Ngòi Phát; Nậm Phàng; Cốc Ly) và trụ sở UBND 04 xã (Dương Quý- Văn Bàn; Gia Phú - Bảo Thắng; Việt Tiến và Kim Sơn - Bảo Yên); 01 trạm đo mưa của Đài khí tượng khu vực Tây Bắc tại thôn Cốc Mỳ, xã Cốc Mỳ - Bát Xát.

- Hệ thống các Trạm khí tượng thủy văn và các trạm đo mưa của Đài Khí tượng Thủy Văn Lào Cai hiện nay chưa đáp ứng được yêu cầu cảnh báo, dự báo về diễn biến thiên tai do đã xuống cấp, kỹ thuật lạc hậu. Các điểm đo mưa phần lớn phụ thuộc vào việc thống kê báo cáo dữ liệu từ con người. Vì vậy, chưa đáp ứng được thông tin dự báo về diễn biến thời tiết, khí hậu, tình hình bão, áp thấp nhiệt đới, mưa, lũ và các hiện tượng khí hậu nguy hiểm khác xảy ra trên địa bàn tỉnh để cung cấp thông tin cho các cơ quan liên quan kịp thời chỉ đạo và người dân chủ động phòng, tránh.

7. Hệ thống cảnh báo sớm thiên tai: Gồm 02 hệ thống cảnh báo sớm thiên tai do Viện quản lý Thiên tai Hàn Quốc tài trợ được lắp đặt tại 12 vị trí (xã Tả Phời - TP Lào Cai; xã Quang Kim và Phìn Ngan - huyện Bát Xát). Thiết bị được lắp, gồm: 04 cụm loa (mỗi cụm loa có 8 chiếc); 4 điểm đo lượng mưa (mỗi điểm 01 thiết bị); 4 điểm đo lưu lượng dòng chảy (mỗi điểm 01 thiết bị); 01 máy chủ được lắp tại Văn phòng Thường trực Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh Lào Cai. Hiện nay, đang trong thời gian vận hành thử nghiệm; các trạm đo mưa cung cấp thông tin về lượng mưa qua đường truyền trực tuyến kịp thời phục vụ công tác dự báo, cảnh báo rất hiệu quả. Ngoài ra, các Nhà máy thủy điện còn sử dụng phần mềm tin nhắn để thông tin, tình hình xả lũ đến các thành viên Ban chỉ huy PCTT và TKCN các cấp để chỉ đạo kịp thời và thông báo cho người dân vùng hạ du phòng tránh, hạn chế thấp nhất thiệt hại do việc xả lũ gây ra.

8. Hệ thống thông tin liên lạc: Mạng lưới bưu chính viễn thông với đủ các loại hình dịch vụ, hệ thống điện thoại cố định, hệ thống mạng điện thoại di động, hệ thống máy thông tin di động sóng ngắn và các hệ thống thông tin chuyên dùng khác. Toàn tỉnh có 622.000 thuê bao điện thoại, trong đó trên 585.000 thuê bao di động; 71.200 thuê bao internet. Ngoài ra, còn có 164 trạm phát thanh, đạt 100% số xã; 1.736 loa phát thanh, đạt 78,7% số thôn bản có loa truyền thanh. Với hệ thống thông tin liên lạc nêu trên sẽ đáp ứng được nhu cầu trao đổi thông tin, liên lạc, đảm bảo phục vụ kịp thời thông tin cho công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh.

Phần II

Nhận định thời tiết khí hậu, các loại thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai có thể xảy ra trên địa bàn tỉnh Lào Cai

I. Nhận định về thời tiết khí hậu năm 2018

1. Nhận định chung: Hiện tượng Lanina đang có dấu hiệu suy yếu dần và khả năng còn kéo dài đến khoảng tháng 5/2018, sau sẽ chuyển sang pha trung tính (Enso), có thể hoạt động đến giữa và cuối năm 2018. Với dự báo khí hậu ở trạng thái Enso kéo dài đến hết năm 2018 thì tình hình thời tiết mùa mưa lũ năm 2018 tại miền Bắc nói chung và Lào Cai nói riêng khả năng diễn biến phức tạp và khó lường. Khả năng các hiện tượng thiên tai nguy hiểm như: Hoàn lưu bão xa, các đợt mưa to sinh lũ lớn, lũ quét, sạt lở đất sẽ xảy ra với tần suất cao và liên tục trên hầu khắp các địa phương trong tỉnh.

2. Bão, áp thấp nhiệt đới (ATNĐ): Số lượng bão, ATNĐ hoạt động trên khu vực biển Đông và ảnh hưởng trực tiếp đến đất liền nước ta trong năm 2018 có khả

năng tương đương so với trung bình nhiều năm (TBNN), cụ thể sẽ có khoảng 5-6 cơn bão ảnh hưởng trực tiếp đến đất liền. Tại Lào Cai khả năng chịu ảnh hưởng gián tiếp của hoàn lưu 1-2 cơn bão hoặc ATNĐ. Dù xuất hiện ít hơn giá trị TBNN nhưng bão với cường độ mạnh sẽ xuất hiện nhiều hơn. Hoàn lưu bão ảnh hưởng rộng hơn.

3. Mưa lớn, lũ lụt: Mùa mưa lũ năm 2018 khả năng sẽ diễn biến phức tạp; Lũ xuất hiện tương đương hoặc nhiều hơn mùa mưa năm 2017. Đỉnh lũ trên các sông suối trong khu vực phổ biến ở mức báo động II đến báo động III. Một số sông suối nhỏ có nơi cao trên báo động III, làm gia tăng các hiện tượng lũ quét, sạt lở đất, đặc biệt tại các huyện vùng cao. Tổng lượng mưa cả mùa ở mức cao hơn TBNN. Dự báo tháng 5/2018 mưa giảm, tháng 6, 7 và 8/2018 mưa nhiều; tháng 9 và 10/2018 mưa lại có xu thế bị thiếu hụt so với TBNN trước.

4. Nắng nóng và nhiệt độ: Mùa hè năm 2018, nắng nóng xuất hiện ở mức vừa phải, cường độ tăng dần, không đột ngột, khả năng ít xảy ra những đợt nắng nóng gay gắt. Trung bình cả mùa hè có khoảng 6-8 đợt nắng nóng xảy ra, nắng nóng trên diện rộng xuất hiện muộn hơn so với TBNN. Tuy nhiên, mức độ nắng nóng không gay gắt và không kéo dài như mùa hè năm 2017. Nền nhiệt độ trung bình toàn mùa mưa lũ ở mức xấp xỉ bằng giá trị TBNN trước.

5. Thủy văn: Nguồn nước trên các sông suối trong tỉnh tháng cuối mùa cạn (tháng 4) tiếp tục ổn định và ở mức xấp xỉ TBNN. Lũ tiểu mãn (lũ đầu mùa) khả năng xảy ra đúng quy luật, đỉnh lũ nhỏ hơn so với TBNN. Mùa mưa lũ năm 2018, khả năng xuất hiện đúng quy luật hàng năm. Trên sông Hồng tại Lào Cai khả năng có 5-6 trận lũ, trong đó khoảng 2 trận lũ đạt cấp báo động cấp I trở lên. Trên sông Chày tại Bảo Yên khả năng xảy ra từ 5-7 trận lũ, trong đó có từ 2-3 trận lũ từ xấp xỉ báo động cấp I trở lên. Đỉnh lũ cao nhất năm trên sông Hồng tại Lào Cai có khả năng trên báo động II (Báo động II tại trạm thủy văn Lào Cai, là 82,00m). Đỉnh lũ cao nhất năm 2018 trên sông Chày tại Bảo Yên có khả năng đạt mức báo động III (Báo động III tại trạm thủy văn Bảo Yên: 75,00m). Đỉnh lũ năm 2018 có khả năng xuất hiện vào khoảng nửa cuối tháng 8. Năm 2018, mưa lớn cục bộ khả năng xuất hiện nhiều hơn. Có thể xuất hiện lốc xoáy, gió giật mạnh, sét đánh, sạt lở đất ở các vùng đồi núi, lũ quét, lũ lên nhanh, bất ngờ trên các sông suối nhỏ.

II. Các loại thiên tai có khả năng ảnh hưởng đến tỉnh Lào Cai

Theo thống kê hàng năm và theo ghi nhận, phân tích chuỗi số liệu quan trắc về tình hình thiên tai trên địa bàn tỉnh. Trong thời gian 10 năm trở lại đây (từ năm 2007 - 2017), kết hợp với nhận định diễn biến thời tiết năm 2018 có thể xảy ra các loại hình thiên tai sau:

1. Áp thấp nhiệt đới, hoàn lưu bão.
2. Lốc, sét, mưa đá và sương mù.
3. Mưa lớn, lũ và ngập lụt.
3. Rét đậm, rét hại.
5. Sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy.
6. Nắng nóng, hạn hán.

III. Cấp độ rủi ro thiên tai có khả năng ảnh hưởng đến tỉnh Lào Cai

1. Đối với áp thấp nhiệt đới và hoàn lưu bão: Cấp độ rủi ro cao nhất là cấp 3.
2. Đối với lốc, sét và mưa đá: Cấp độ rủi ro cao nhất là cấp 3.
3. Đối với sương mù: Cấp độ rủi ro cao nhất là cấp 2.
4. Đối với mưa lớn: Cấp độ rủi ro cao nhất là cấp 2.
5. Đối với sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy: Cấp độ rủi ro cao nhất là cấp 3.
6. Đối với nắng nóng: Cấp độ rủi ro cao nhất là cấp 2.
7. Đối với hạn hán: Cấp độ rủi ro cao nhất là cấp 2.
8. Đối với lũ, ngập lụt: Cấp độ rủi ro cao nhất là cấp 3.
9. Đối với rét đậm, rét hại: Cấp độ rủi ro cao nhất là cấp 3.

(Cấp độ rủi ro thiên tai được quy định tại Quyết định số 44/2014/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ).

IV. Phạm vi ảnh hưởng và số lần xuất hiện của các loại hình thiên tai

1. Áp thấp nhiệt đới, hoàn lưu bão

- Tỉnh Lào Cai không chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão nhưng lại chịu ảnh hưởng của hoàn lưu bão gây mưa lớn, lũ ống, lũ quét, sạt lở đất; ngập úng ở vùng thấp trung, đô thị. Áp thấp nhiệt đới ảnh hưởng đến tỉnh Lào Cai thường có sức gió đã suy yếu khoảng cấp 5 ÷ 6 (từ 35 ÷ 45 km/h).

- Số đợt ATNĐ ảnh hưởng đến địa bàn tỉnh Lào Cai trung bình từ 3-5 lần /năm.

- Phạm vi ảnh hưởng: Trên địa bàn toàn tỉnh, trong đó các khu vực vùng thấp như Thành phố Lào Cai, Bảo Yên, Bảo Thắng thường chịu ảnh hưởng và thiệt hại do áp thấp nhiệt đới gây ra nhiều hơn so với các địa phương khác.

2. Lốc, sét, mưa đá

- Lốc, sét, mưa đá: Thường xuyên xảy ra trên địa bàn tỉnh, tập trung chủ yếu vào mùa mưa. Đây là loại hình thiên tai thường xảy ra cục đoạn, bất thường có thể gây ảnh hưởng trực tiếp đến người, tài sản, hoa màu.

+ Lốc: bình quân 10÷15 trận/năm.

+ Sét: bình quân 20÷30 trận /năm (thường đi kèm với mưa, dông lốc).

+ Mưa đá: bình quân 01÷03 cơn/năm (thường kèm theo gió mạnh).

- Phạm vi ảnh hưởng: Trên địa bàn toàn tỉnh.

3. Mưa lớn, lũ, ngập lụt

- Mưa lớn, lũ, ngập lụt: Là loại hình thiên tai gây thiệt hại lớn nhất; mưa lớn có thể gây lũ ống, lũ quét, trượt sạt lở đất làm ách tắc giao thông, phá hủy tài sản, nhà cửa, hoa màu của người dân và ngập lụt...

- Số đợt mưa lớn xảy ra trên địa bàn tỉnh trung bình từ: 04÷05 đợt/năm; lượng mưa >100 mm/đợt.

- Phạm vi ảnh hưởng: Trên địa bàn toàn tỉnh, trong đó các địa phương thường chịu ảnh hưởng nhiều nhất tập trung ở các huyện Bảo Yên, Bảo Thắng, Văn Bàn, Thành phố Lào Cai, một số xã vùng thấp huyện Bát Xát, Mường Khương.

4. Lũ quét

- Là những trận lũ lớn, xảy ra bất ngờ, tồn tại trong một thời gian ngắn, dòng chảy xiết, có hàm lượng chất rắn cao, sức tàn phá lớn; thường xảy ra ở các lưu vực nhỏ, có thảm thực bì thưa, độ dốc lưu vực trên 20%. Hàng năm, tỉnh Lào Cai thường chịu ảnh hưởng của trên 50 trận lũ lớn, nhỏ từ 3 con sông chính (sông Hồng, sông Chảy, sông Nậm Thi) và 107 dòng suối lớn nhỏ trên địa bàn tỉnh.

- Số đợt xuất hiện lũ quét xảy ra trên địa bàn tỉnh trung bình từ: 02÷04 đợt/năm; lượng mưa >100 mm/đợt hoặc mưa cục bộ tạo dòng chảy lớn.

- Phạm vi ảnh hưởng: Trên địa bàn toàn tỉnh, trong đó tập trung nhiều nhất ở các huyện: Bảo Yên, Văn Bàn, Bát Xát, Sa Pa, Bảo Thắng.

5. Sạt lở đất, sụt lún đất

- Sạt lở đất, sụt lún đất trên địa bàn tỉnh thường do mưa, mưa lớn kéo dài, kết cấu địa chất kém kết hợp với độ dốc địa hình hoặc do thi công các công trình để lại các hố sâu, ta luy.

- Phạm vi ảnh hưởng: Trên địa bàn toàn tỉnh.

- Sạt lở đất có thể gây thiệt hại về người, nhà cửa, tài sản, hoa màu, gây ách tắc giao thông và làm hư hỏng nhiều tài sản máy móc thiết bị khác. Theo kết quả điều tra của Viện Vật lý địa cầu tỉnh Lào Cai hiện nay có trên 445 điểm sạt lở đất, tuy nhiên, đã được cắm biển cảnh báo 350 điểm để cảnh báo cho người dân chủ động phòng tránh.

(Chi tiết tại phụ biểu 02 kèm theo)

6. Nắng nóng

- Nắng nóng trên địa bàn tỉnh thường xuyên xảy ra vào tháng 5-7 với nền nhiệt trong ngày từ 35⁰C ÷ 42⁰C. Các đợt nắng nóng từng xảy ra trên địa bàn tỉnh, như: Tháng 6/2010, tháng 5 và 6/2015, 6/2017 nhiệt độ cao nhất lên đến 40⁰C kéo dài trên 5 ngày, đặc biệt 6/2017 nhiệt độ cao nhất 42⁰C kéo dài 3 ngày. Tuy nhiên, mùa hè năm 2018 được dự báo có khoảng 6-8 đợt nắng nóng xảy ra trên diện rộng xuất hiện muộn hơn so với TBNN, cường độ tăng dần không đột ngột, khả năng ít xảy ra những đợt nắng nóng gay gắt.

- Phạm vi ảnh hưởng: Trên địa bàn toàn tỉnh.

7. Hạn hán

- Hạn hán thường xảy ra vào các tháng mùa khô trong năm từ tháng 3-4 và các tháng cuối năm từ tháng 10-11. Diễn hình là đợt hạn hán xảy ra vào tháng 4, 5 năm 2014 với lượng mưa rất thấp, độ thiếu hụt nước trên 50%. Toàn tỉnh Lào Cai năm 2014-2015 có 1.780 ha bị hạn hán, trong đó diện tích lúa mùa bị hạn hán 370 ha, diện tích lúa đông xuân bị hạn 721 ha, diện tích ngô bị hạn 647 ha, diện tích rau màu 42 ha. Tuy nhiên, trong năm 2017, do làm tốt công tác chống hạn nên thiệt hại

do hạn hán giảm đến mức thấp nhất; cụ thể: diện tích bị hạn phải chuyển đổi sang cây trồng cạn 59 ha, bị ảnh hưởng năng xuất một phần 1.900 ha.

- Phạm vi ảnh hưởng: Trên địa bàn toàn tỉnh, trong đó tập trung ở huyện Si Ma Cai, Mường Khương, Bắc Hà.

8. Rét đậm, rét hại

- Rét đậm xuất hiện khi nhiệt độ trung bình trong ngày dưới 15°C ($13^{\circ}\text{C} < T_{tb} \leq 15^{\circ}\text{C}$).

- Rét hại xuất hiện khi nhiệt độ trung bình trong ngày dưới 13°C ($T_{tb} \leq 13^{\circ}\text{C}$).

- Rét đậm, rét hại trên địa bàn tỉnh thường xảy ra vào các tháng chính đông (Tháng 12 năm trước đến tháng 1 và 2 năm sau). Trong thời điểm rét đậm, rét hại nhiệt độ có thể xuống thấp dưới 0°C gây mưa tuyết, băng giá, sương muối và ảnh hưởng rất lớn đến người, cây trồng vật nuôi.

- Phạm vi ảnh hưởng: Trên địa bàn toàn tỉnh, trong đó các huyện: Sa Pa; Bắc Hà; Si Ma Cai và một số xã vùng cao huyện Bát Xát rét đậm, rét hại có thể đạt cấp độ 3.

Phần III

Chỉ đạo, điều hành ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai năm 2018

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

Hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra, đặc biệt là người, tài sản và các công trình trọng yếu. Kịp thời di dời, sơ tán dân ở khu vực xung yếu, có nguy cơ cao đến nơi ở an toàn, ổn định, chắc chắn, nhất là đối với người già, người khuyết tật, trẻ em và phụ nữ.

2. Yêu cầu

- Huy động cả hệ thống Chính trị vào cuộc, huy động toàn dân, toàn xã hội tham gia công tác phòng chống, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.

- Huy động mọi nguồn lực để phòng chống, ứng phó khắc phục hậu quả thiên tai. Vận động mọi tổ chức, cá nhân, Doanh nghiệp, hộ gia đình chủ động phòng chống, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai, không trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước.

- Tất cả các ngành, các cấp quán triệt và thực hiện nghiêm túc phương châm "4 tại chỗ" và nguyên tắc "phòng ngừa chủ động, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương, hiệu quả".

- Người dân theo dõi chặt chẽ diễn biến của thiên tai, nghiêm chỉnh chấp hành các mệnh lệnh, hướng dẫn, cảnh báo của chính quyền địa phương các cấp; các cơ quan chức năng. Chủ động nâng cao nhận thức của cộng đồng trong công tác quản lý rủi ro thiên tai, nhất là ứng phó kịp thời với những thiên tai có cấp độ mạnh và siêu mạnh, bất thường, cực đoan.

II. Phân công, phân cấp trách nhiệm ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai

1. Phân công, phân cấp trách nhiệm ứng phó với thiên tai cấp độ 1

1.1. Phân công, phân cấp trách nhiệm

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp xã:

- Có trách nhiệm: Trực tiếp chỉ huy lực lượng; huy động nguồn lực tại chỗ để ứng phó kịp thời ngay khi thiên tai xảy ra; báo cáo và chịu trách nhiệm thực hiện chỉ đạo, chỉ huy của các cơ quan phòng chống thiên tai cấp trên.

- Được quyền huy động các nguồn lực: Dân quân tự vệ, thanh niên, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn cấp xã và các tổ chức, cá nhân tình nguyện; vật tư dự trữ do nhân dân chuẩn bị, vật tư, trang thiết bị, phương tiện của cấp xã và tổ chức, cá nhân trên địa bàn cấp xã để ứng phó phù hợp với thiên tai cấp độ I.

b) Các lực lượng tham gia ứng phó thiên tai trên địa bàn cấp xã: Phải phối hợp chặt chẽ theo sự chỉ huy của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc người được ủy quyền.

c) Trong trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của cấp xã: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị Ủy ban nhân dân, Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện hỗ trợ.

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng ban Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp huyện: Có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy và huy động nguồn lực theo thẩm quyền để ứng phó thiên tai trong trường hợp thiên tai cấp độ I xảy ra trong phạm vi từ hai xã trở lên hoặc khi nhận được yêu cầu trợ giúp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; chịu trách nhiệm thực hiện chỉ huy, chỉ đạo của các cơ quan chỉ đạo phòng chống thiên tai cấp trên.

1.2. Biện pháp ứng phó cụ thể

a) Đối với áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất

- Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh cập nhật kịp thời diễn biến thời tiết, từ đó chủ động tham mưu cho Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh ban hành các chỉ thị, công điện, văn bản chỉ đạo đến các cấp, các ngành để có phương án ứng phó với thiên tai trong thời gian tối thiểu trước 24 giờ. Tham mưu cho Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị và UBND các huyện, thành phố.

- Thông báo kịp thời đến 41.378 hộ dân có nhà ở kém an toàn và 1.371 hộ dân có nhà ở phải di dời khẩn cấp để chủ động phòng tránh, ứng phó. Thực hiện hoàn thành kế hoạch sắp xếp dân cư ra ngoài khu vực thiên tai nguy hiểm trước mùa mưa (*theo thứ tự ưu tiên*) để tránh sạt lở đất, lũ ống, lũ quét và ổn định đời sống cho các hộ dân yên tâm sản xuất.

- Có các biện pháp cụ thể để đối phó với những vị trí có nguy cơ cao về sạt lở đất, lũ ống, lũ quét đã được xác định và mới phát sinh. Chủ động sơ tán người, tài sản của nhà nước và nhân dân ra khỏi khu vực nguy hiểm, nơi không bảo đảm an

toàn; tập trung triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn cho người, đặc biệt đối tượng dễ bị tổn thương trong tình huống thiên tai khẩn cấp.

- Phối hợp với Công ty Điện lực Lào Cai xây dựng kế hoạch, phương án cung cấp điện phục vụ cho đời sống, sản xuất, sinh hoạt của nhân dân; cung cấp đủ nguồn điện cho các trạm bơm phục vụ tiêu úng; đảm bảo an toàn cho hệ thống đường dây, trạm điện và con người; huy động lực lượng khắc phục hệ thống điện bị ảnh hưởng do thiên tai gây mất điện, sớm đảm bảo cấp điện cho những nơi bị thiên tai gây ra, đặc biệt là những nơi đang bị thiệt hại. Phối hợp với Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Lào Cai triển khai chặt, tía cành, nhánh của các cây cao, dễ gãy đổ, cây nằm gần nhà ở, lưới điện...trước khi thiên tai xảy ra; kiểm tra mức độ an toàn, vững chắc của các biển quảng cáo, pa nô, áp phích; các khu vực nhà lá, nhà tạm, các giàn giáo của công trình cao tầng đang thi công.

- Huy động khẩn cấp về nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm để kịp thời ứng phó với thiên tai. Thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn đối với nhà cửa, công sở, bệnh viện, trường học, kho tàng, công trình và cơ sở kinh tế, an ninh, quốc phòng.

- Giám sát, hướng dẫn, chủ động thực hiện đồng bộ các biện pháp ngăn chặn người, phương tiện đi vào khu vực nguy hiểm trên sông, suối; các tuyến đường, ngầm tràn bị ngập sâu; khu vực có nguy cơ sạt lở đất...

- Bảo đảm giao thông và thông tin liên lạc đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống thiên tai. Bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản của nhà nước và nhân dân tại khu vực xảy ra thiên tai.

- Thực hiện hoạt động tìm kiếm cứu nạn theo phương châm "*Cứu người trước cứu tài sản sau*", cứu chữa người bị thương, hỗ trợ lương thực, thuốc chữa bệnh, nước uống và nhu yếu phẩm khác tại khu vực xảy ra thiên tai, vùng bị chia cắt, khu vực ngập lụt nghiêm trọng và địa điểm sơ tán.

- Chủ động thực hiện các biện pháp bảo vệ sản xuất; khôi phục, phục hồi sản xuất; nhanh chóng khắc phục ô nhiễm môi trường, dập dịch, không chế dịch bệnh tuyệt đối không để dịch bệnh bùng phát; ổn định đời sống nhân dân ngay sau khi thiên tai mưa, lũ đi qua. Kiểm tra, phát hiện và xử lý sự cố công trình phòng, chống thiên tai, công trình trọng điểm về kinh tế - xã hội và an ninh, quốc phòng.

- Lực lượng ứng cứu: Quân đội, Công an, Dân quân tự vệ và các lực lượng khác được cấp huyện, cấp xã huy động trên địa bàn cấp huyện, cấp xã.

- Phương tiện, trang thiết bị: Các loại ca nô, tàu thuyền, xuồng, các loại phao, áo phao cứu sinh; máy cầu, máy xúc, máy khoan, cắt bê tông; máy bơm nước; các loại xe cứu hộ giao thông, xe cứu thương; cửa máy và các trang thiết bị chuyên dùng khác.

b) Đối với nắng nóng, hạn hán

- Văn phòng Thường trực Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh cập nhật kịp thời các bản tin dự báo nắng nóng, hạn hán bao gồm cả các bản tin nắng nóng, hạn hán trung hạn, dài hạn thông tin tới các cấp, các ngành để từ đó có phương án phòng tránh

cho người và điều chỉnh kịp thời cơ cấu cây trồng, vật nuôi, cơ cấu mùa vụ phù hợp với tình hình nắng nóng hạn hán.

- Quản lý chặt chẽ nguồn nước, áp dụng các biện pháp tưới tiết kiệm, ưu tiên đảm bảo cấp đủ nước sinh hoạt cho người và gia súc; sử dụng nước tiết kiệm, chống thất thoát nước.

- Tiến hành nạo vét hệ thống kênh, mương, hệ thống các trục kênh tưới tiêu kết hợp đảm bảo thông thoáng; tính toán lắp đặt thêm hệ thống các trạm bơm đã chiến tại những vị trí thuận lợi về nguồn nước để nâng cao năng lực cấp nước, tưới tiêu.

- Chỉ đạo các Nhà máy Thủy điện xả nước hợp lý phục vụ công tác dự trữ nước, bơm nước chống hạn. Ưu tiên cung cấp điện và vật tư, nhiên liệu cần thiết cho các trạm bơm.

- Lực lượng ứng cứu: Phòng Nông nghiệp và PTNT; các tổ, đội quản lý thủy lợi, người dân; các Công ty hoạt động trong lĩnh vực đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi; Bộ đội Biên phòng, Công an, Dân quân tự vệ và các lực lượng khác được huy động trên địa bàn cấp huyện, cấp xã.

- Phương tiện, trang thiết bị: Máy bơm, ống dẫn nước các loại.

c) Đối với rét đậm, rét hại, sương muối

- Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh chủ động cập nhật các bản tin cảnh báo sớm và tham mưu cho Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh ban hành các công điện, chỉ thị, quyết định về chỉ đạo ứng phó với thiên tai rét hại, sương muối tới các cấp, các ngành, các địa phương để chủ động phòng tránh.

- Triển khai đồng bộ các biện pháp chống rét cho người, đặc biệt cho các đối tượng dễ bị tổn thương như người già, trẻ em, người khuyết tật. Xây dựng phương án phòng chống rét cho cây trồng vật nuôi. Triển khai biện pháp bảo vệ cây trồng, vật nuôi phù hợp; nghiên cứu đề xuất giống cây trồng, vật nuôi thích nghi với điều kiện thời tiết, khí hậu khắc nghiệt. Chuẩn bị đủ cơ sở về giống cây trồng, vật nuôi, vật tư để sẵn sàng triển khai phương án khắc phục, phục hồi sản xuất sau thiên tai.

d) Đối với, lốc, sét, mưa đá

- Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh chủ động cập nhật các bản tin cảnh báo sớm và tham mưu cho Ban Chỉ huy ban hành các công điện về chỉ đạo ứng phó với thiên tai lốc, sét, mưa đá tới các cấp, các ngành; các địa phương để chủ động phòng tránh.

- Căn cứ dự báo, cảnh báo, tính chất và diễn biến thực tế của từng loại thiên tai, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh chủ động chỉ đạo Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các cấp, ngành triển khai biện pháp ứng phó phù hợp với từng tình huống cụ thể.

- Thường xuyên chằng chống nhà cửa để tăng độ vững chắc nhằm đề phòng giông, lốc xoáy; nếu nhà ở lợp bằng lá, tôn tráng kẽm, fibroximăng, ngói có thể dẫn lên mái nhà các loại thanh nẹp bằng gỗ, sắt, dây kẽm cỡ lớn hoặc các bao chứa cát để hạn chế tốc mái khi có giông, lốc xoáy.

- Khi có mưa kèm theo giông lốc phải sơ tán người già và trẻ em ra khỏi những căn nhà tạm đến những nơi an toàn, vững chắc hơn; tránh núp dưới bóng cây, trú ẩn trong nhà tạm để bị sập đổ gây tai nạn.

- Tổ chức thông tin, tuyên truyền đến người dân những bản tin dự báo, cảnh báo mưa đá để chủ động phòng, tránh an toàn cho người, vật nuôi, cây trồng và các tài sản khác; hạn chế tác hại của mưa đá đối với các vật dụng, đồ dùng, máy móc...

- Thường xuyên theo dõi tình hình thời tiết, thiên tai trên các phương tiện thông tin đại chúng để kịp thời có biện pháp phòng, tránh và ứng phó hiệu quả.

2. Phân công, phân cấp trách nhiệm trong ứng phó rủi ro thiên tai cấp độ 2

2.1. Phân công, phân cấp trách nhiệm

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng ban Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh: Chỉ huy, chỉ đạo các địa phương, cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh triển khai ứng phó với thiên tai; huy động nguồn lực theo thẩm quyền để ứng phó kịp thời, phù hợp với diễn biến thiên tai tại địa phương; báo cáo và chịu trách nhiệm thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai và Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được quyền huy động: Lực lượng vũ trang, Dân quân tự vệ, thanh niên, các tổ chức, cá nhân, lực lượng tình nguyện; vật tư, trang thiết bị, phương tiện của tỉnh và vật tư dự trữ phòng, chống thiên tai của tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh để ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng ban Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp huyện, cấp xã tổ chức thực hiện nhiệm vụ như quy định tại cấp độ 1 của Phương án này; tuân thủ sự chỉ huy của cơ quan cấp trên. Hướng dẫn và tổ chức sơ tán người đến nơi an toàn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tổ chức cưỡng chế sơ tán trường hợp tổ chức, cá nhân không tự giác chấp hành chỉ đạo, chỉ huy, hướng dẫn sơ tán phòng, tránh thiên tai vì mục đích an toàn cho người.

d) Trong trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng ban Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh báo cáo, đề nghị Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai và Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn hỗ trợ.

e) Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai phối hợp với Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn huy động các nguồn lực hỗ trợ ứng phó thiên tai khi nhận được đề nghị hỗ trợ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng ban Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh. Các lực lượng tham gia hỗ trợ phòng, chống thiên tai tại địa phương phải tuân thủ theo sự chỉ huy của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc người được ủy quyền.

2.2. Biện pháp ứng phó cụ thể

a) Cấp tỉnh: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các Sở, ngành thành viên Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, UBND các huyện, thành phố khẩn trương đến hiện trường thực hiện nhiệm vụ đã được phân công.

b) Cấp huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện, cấp xã triển khai các biện pháp ứng phó và huy động vật tư, phương tiện, lực lượng phối hợp với địa phương ứng phó thiên tai.

c) Cấp xã: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp xã; lực lượng dân quân tự vệ cấp xã; huy động lực lượng vũ trang đóng quân trên địa bàn cấp xã, công đồng dân cư...tham gia ứng cứu.

d) Lực lượng ứng cứu: Quân đội, Công an, Thanh niên xung phong, Dân quân tự vệ; các Sở, ban ngành tỉnh và các lực lượng khác của tỉnh, huyện, xã được huy động.

e) Phương tiện, trang thiết bị: Các loại ca nô, tàu thuyền, xuồng, xe lội nước, các loại phao, áo phao cứu sinh; máy cầu, máy xúc, máy khoan, cắt bê tông; máy bơm nước, các hệ thống thiết bị làm mát, các thiết bị cấp nước; các loại xe cứu hộ, xe cứu thương; cửa máy và các trang thiết bị thông dụng, chuyên dụng khác.

3. Phân công, phân cấp trách nhiệm ứng phó với thiên tai cấp độ 3

3.1. Phân công, phân cấp trách nhiệm

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng ban Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh chịu trách nhiệm chỉ huy, huy động nguồn lực theo thẩm quyền, triển khai các biện pháp ứng phó với thiên tai trên địa bàn tỉnh.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng ban Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện, cấp xã thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại cấp độ 2 Phương án này phù hợp với tình huống cụ thể tại địa phương; tuân thủ sự chỉ đạo, chỉ huy của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Trường hợp thiên tai xảy ra ở mức độ vượt quá cấp độ 3 hoặc có nguy cơ gây thiệt hại nghiêm trọng, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai chỉ đạo.

3.2. Biện pháp ứng phó cụ thể với tất cả các loại thiên tai cấp độ 3

a) Cấp tỉnh: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các Sở, ngành thành viên Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, UBND các huyện, thành phố, huy động tổng lực các nguồn lực, thành lập Ban Chỉ đạo tiền phương để chỉ đạo các lực lượng tổ chức ứng phó.

b) Cấp huyện, xã: Huy động tối đa nguồn lực và phối hợp với các lực lượng chi viện từ bên ngoài để ứng phó. Các huyện, xã lân cận khẩn trương huy động lực lượng sẵn có để chi viện, giúp đỡ địa phương bị thiệt hại ứng phó.

c) Phương tiện, trang thiết bị: Các loại ca nô, tàu thuyền, xuồng, xe lội nước, các loại phao, áo phao cứu sinh; máy cầu, máy xúc, máy cắt bê tông, máy đục bê tông; máy khoan bê tông; trạm bơm, máy bơm nước, các hệ thống thiết bị làm mát, các thiết bị cấp nước; các loại xe cứu hộ giao thông, xe cứu thương; cửa máy và các trang thiết bị thông dụng và chuyên dụng khác.

d) Trường hợp vượt quá khả năng ứng cứu, Chủ tịch UBND tỉnh báo cáo và đề nghị Chính phủ, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai; Ủy ban Quốc gia tìm kiếm cứu nạn Trung ương; các Bộ, ngành Trung ương hỗ trợ.

III. Huy động lực lượng, phương tiện, trang thiết bị, y tế, nhu yếu phẩm

1. Lực lượng: Dự kiến huy động được từ các Sở, ngành, đoàn thể, dân quân tự vệ, thanh niên xung kích, tình nguyện viên, các đơn vị, huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn tham gia công tác phòng, tránh, ứng phó khi xảy ra thiên tai đảm bảo 10.590 người, trong đó: Lực lượng vũ trang (*BCH Quân sự tỉnh, BCH Biên phòng, Công an tỉnh: 1.550 người*); các sở, ngành huyện, TP, DN 1.240 người; các xã, phường, thị trấn 7.800 người (*Bình quân: 48 người/xã*). Tùy theo tính chất và tình hình diễn biến, mức độ ảnh hưởng, thiệt hại của thiên tai, Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh quyết định việc điều động và phân công, bố trí lực lượng để chi viện cho các địa phương phù hợp theo yêu cầu.

2. Phương tiện, trang thiết bị, y tế gồm: Các phương tiện, trang thiết bị cơ động, chi viện của các Sở, ngành, đơn vị thành phố và phương tiện, trang thiết bị tại chỗ của các địa phương.

3. Trách nhiệm huy động lực lượng, phương tiện, trang thiết bị, y tế: Các sở, ngành, các cơ quan đơn vị, huyện, thành phố căn cứ phương án được phê duyệt có trách nhiệm huy động lực lượng, phương tiện, trang thiết bị, y tế, nhu yếu phẩm đảm bảo công tác PCTT theo cấp độ rủi ro do thiên tai.

(Chi tiết phụ biểu 03, 04 kèm theo).

IV. Tình huống thiên tai giả định xảy ra

1. Tình huống 1

a) Giả định tình huống: Do ảnh hưởng của hoàn lưu bão số 3, mưa lớn kéo dài ngày gây sạt lở đất khoảng 50m³ vùi lấp 03 nhà dân, trong đó có 01 người bị đất vùi lấp tại xã Phìn Ngan, huyện Bát Xát.

- Cấp độ rủi ro thiên tai: Cấp độ 2.

b) Công tác chỉ đạo

- Ngay khi nhận được báo cáo của UBND xã, Trưởng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN huyện chỉ đạo Chủ tịch UBND xã huy động ngay lực lượng và phương tiện tại chỗ tập trung cứu người bị đất sạt lở vùi lấp. Mặt khác, di chuyển, sơ tán những người dân khác và tài sản đến nơi an toàn. Triệu tập các thành viên BCH PCTT và TKCN huyện xuống ngay hiện trường chỉ huy phương án ứng phó.

- Huy động lực lượng tăng cường của các xã lân cận (Quang Kim, Bản Qua...) phối hợp với lực lượng của huyện và lực lượng tại chỗ phát huy tối đa năng lực ứng cứu với phương châm "*Cứu người trước, tài sản sau*".

c) Tổ chức thực hiện ứng phó, tìm kiếm cứu nạn

- Huy động lực lượng tại chỗ gồm Dân quân tự vệ xã (DQTV) 40 người; đội xung kích 30 người; Ban chỉ huy PCTT xã 25 người; Y tế 5 người; thôn bản 20 người và lực lượng chi viện gồm Công an 30 người; quân sự 50 người; các ban ngành, đoàn thể 28 người cùng với người dân tại chỗ và các xã lân cận ứng cứu.

- Sử dụng: 02 xe ô tô tải; 02 máy xúc; 02 xe cứu thương của Bệnh viện Đa khoa; cuốc, Xẻng 100 cái; Nhà bạt 20 bộ; chó nghiệp vụ 03 con; cáng cứu thương

01 chiếc; bộ đàm 05 chiếc; máy phát điện 02 chiếc và các phương tiện kỹ thuật cần thiết khác.

- Huy động: 50 thùng mì tôm; 50 chai nước lọc; 300 kg gạo; 60 chiếc chăn, màn, chiếu; 03 cơ số thuốc...

- Bố trí nhà văn hóa, trụ sở UBND xã, trường học nơi gần nhất và 1 số nhà dân để làm nơi tạm trú cho các hộ phải sơ tán, di chuyển.

2. Tình huống 2

a) Giả định tình huống: Do mưa lớn cục bộ ở thượng nguồn suối Tả Van, Sa Pa gây lũ quét cuốn trôi 06 nhà dân xã Tả Van, huyện Sa Pa.

- Cấp độ rủi ro thiên tai: Cấp độ 2.

b) Công tác chỉ đạo

- Ngay khi nhận được báo cáo của Ban Chỉ huy PCTT và TKCN huyện Sa Pa, Trưởng Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh chỉ đạo Trưởng Ban chỉ huy PCTT và TKCN huyện huy động ngay lực lượng tại chỗ ứng cứu, tìm kiếm với phương châm "*Cứu người trước, tài sản sau*". Mặt khác, di chuyển, sơ tán người, tài sản của các hộ dân đến nơi an toàn; đảm bảo giao thông cho người và các phương tiện đến chi viện; đồng thời triệu tập các thành viên BCH PCTT và TKCN tỉnh họp khẩn cấp, phân công nhiệm vụ và triển khai ngay phương án ứng phó, tìm kiếm cứu nạn.

- Huy động lực lượng tăng cường của các xã lân cận, lực lượng của huyện, lực lượng của tỉnh. Các lực lượng phối hợp chặt chẽ, phát huy tối đa năng lực, nguồn lực tìm kiếm cứu nạn theo phương châm "*bốn tại chỗ*" để ứng cứu "*Cứu người trước, tài sản sau*".

- Nhanh chóng sơ tán nhân dân ra khỏi khu vực có nguy cơ lũ quét; đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản của nhân dân nơi xảy ra thiên tai.

c) Tổ chức ứng phó, tìm kiếm cứu nạn

- Huy động lực lượng tại chỗ gồm DQTV 150 người; đội xung kích 60 người; BCH PCTT huyện 25 người; Y tế 15 người; lực lượng chi viện bên ngoài gồm Công an 80 người; Quân sự 130 người; Bộ đội Biên phòng 50 người; các ban ngành, đoàn thể 28 người; cùng các lực lượng, người dân tại chỗ và các xã lân cận.

- Sử dụng: 03 xe ô tô tải; 04 xe cứu thương của Bệnh viện Đa khoa; Cuốc, Xèng 200 cái; Nhà bạt 15 bộ; máy xúc 03 chiếc; máy gặt 03 chiếc; chó nghiệp vụ 5 con; cáng cứu thương 20 chiếc; bộ đàm 10 bộ; máy phát điện 03 chiếc; máy cưa cầm tay 4 chiếc và một số vật tư, trang thiết bị khác đảm bảo yêu cầu ứng phó, tìm kiếm cứu nạn.

- Huy động 500 thùng mì tôm, 200 chai nước lọc, 600 kg gạo, 200 chiếc chăn, màn, chiếu, 05 cơ số thuốc và các nhu yếu phẩm cần thiết khác.

- Bố trí nhà văn hóa, trụ sở UBND xã, trường học và một số nhà dân nơi gần nhất để làm nơi tạm trú cho các hộ phải sơ tán, di chuyển.

- Tổ chức thăm hỏi, động viên những gia đình, cá nhân có người bị chết, bị thương; tổ chức hỗ trợ kịp thời các hộ gia đình, cá nhân bị thiệt hại.

Phần III

Cơ cấu tổ chức và nhiệm vụ các cấp, các ngành

I. Cơ cấu tổ chức

1. Cấp tỉnh: Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh thực hiện theo Quyết định số 311/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 của UBND tỉnh về kiện toàn Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh. Thực hiện nhiệm vụ đã được Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh phân công tại Thông báo số 10/TB-BCH ngày 23/01/2017. Thực hiện Quy chế phối hợp tại Quyết định số 737/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh.

2. Cấp huyện và cấp xã: Trên cơ sở cơ cấu tổ chức cấp tỉnh; cấp huyện, cấp xã kiện toàn Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2018 do Chủ tịch UBND huyện, xã làm Trưởng ban; Trưởng phòng Nông nghiệp và PTNT (*phòng Kinh tế*) làm Phó Trưởng Ban; các thành viên là Trưởng các phòng, ban liên quan. Căn cứ điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, các loại hình thiên tai thường xảy ra trên địa bàn, UBND cấp huyện, cấp xã xây dựng Phương án ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai năm 2018 phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

II. Nhiệm vụ của Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, các sở ngành, các địa phương

Đề Phương án ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai năm 2018 được thực hiện hiệu quả “*Giảm thấp nhất thiệt hại về người, tài sản của nhà nước và nhân dân*” UBND tỉnh giao nhiệm vụ cụ thể cho các cấp, các ngành, các địa phương như sau:

1. Các thành viên Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh: Thực hiện theo Quyết định số 311/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 của UBND tỉnh về kiện toàn Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh. Thực hiện tốt nhiệm vụ đã được Trưởng Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh phân công tại Thông báo số 10/TB-BCH ngày 23/01/2017. Thực hiện tốt quy chế phối hợp tại Quyết định số 737/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ Thường trực của Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh; đôn đốc, hướng dẫn các địa phương kiện toàn Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; xây dựng và trình UBND tỉnh phê duyệt phương án ứng phó với thiên tai năm 2018; các phương án phòng chống rét, hạn, chuyển đổi cây trồng, mùa vụ; rà soát các hồ, đập, các điểm xung yếu để có biện pháp xử lý. Hướng dẫn, đôn đốc các cấp, các ngành xây dựng phê duyệt Phương án ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai năm 2018 phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao. Là đầu mối điều phối các quan hệ phối hợp giữa các cấp, các ngành, các địa phương trong công tác ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai năm 2018.

3. Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh: Chỉ đạo và triển khai thực hiện Đề án Quy hoạch tổng thể lĩnh vực Ứng phó sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đến năm 2020. Sẵn sàng chi viện, hỗ trợ cho các địa phương lực lượng, phương tiện cứu hộ, cứu nạn đảm bảo lực lượng quân đội là “*Lực lượng nòng cốt trong công tác tìm kiếm cứu nạn*”.

4. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh: Sẵn sàng hỗ trợ, chi viện lực lượng, phương tiện ứng cứu, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, nhất là khu vực Biên giới, đảm bảo an ninh, trật tự khu vực Biên giới, cửa khẩu khi có thiên tai xảy ra.

5. Văn phòng UBND tỉnh: Căn cứ Phương án ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai năm 2018 đã được UBND tỉnh phê duyệt đôn đốc các sở, ngành, các cơ quan đơn vị thực hiện; phối hợp với cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh tổng hợp báo cáo kịp thời UBND tỉnh, Chính phủ các Bộ, ngành Trung ương.

6. Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh

- Tổ chức thường trực ứng phó với thiên tai theo quy định; cập nhật kịp thời thông tin tình hình thiên tai, thời tiết khí hậu, thủy văn; dự báo cảnh báo cho các địa phương, đơn vị thực hiện các biện pháp ứng phó; tổng hợp tình hình công tác ứng phó và tìm kiếm cứu nạn, khắc phục hậu quả; lập báo cáo nhanh, báo cáo định kỳ, báo cáo tổng kết; giải quyết các công việc theo chỉ đạo của Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh. Phối hợp với Đài khí tượng thủy văn, Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh xây dựng các bản tin cảnh báo về tình hình mưa, lũ và thiên tai trên các phương tiện thông tin đại chúng. Tham mưu cho Sở Nông nghiệp và PTNT, BCH phòng, chống thiên tai tỉnh, UBND tỉnh ban hành các văn bản, quyết định, công điện, thông báo và các văn bản khác kịp thời triển khai công tác ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai năm 2018.

- Tham mưu cho Ban Chỉ huy biện pháp huy động nguồn lực, vật tư, phương tiện để ứng phó với các cấp độ thiên tai; lập kế hoạch cấp các phương tiện, trang thiết bị, các nguồn lực cứu trợ, tài trợ cho các địa phương.

7. Công an tỉnh: Chủ động xây dựng phương án bố trí lực lượng đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội vùng bị thiên tai; tham gia cứu hộ, cứu nạn; bố trí lực lượng phân luồng giao thông, hướng dẫn giao thông các khu vực bị thiên tai, nhất là các khu vực cầu, ngầm tràn, sạt lở đất, sụt lún đất.

8. Đài khí tượng Thủy văn tỉnh Lào Cai: Theo dõi chặt chẽ, cập nhật, xử lý kịp thời thông tin về tình hình diễn biến thời tiết khí hậu; dự báo sớm diễn biến thời tiết khí hậu, đặc biệt là các hiện tượng thời tiết cực đoan nguy hiểm. Cung cấp kịp thời các bản tin dự báo thời tiết cho Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Lào Cai để cảnh báo cho các cấp, các ngành, các địa phương và người dân ứng phó.

9. Sở Công thương: Phối hợp với các ngành liên quan chỉ đạo vận hành điều tiết các hồ chứa thủy điện đúng quy trình, bảo đảm an toàn công trình, vùng hạ du trong mùa mưa lũ. Kiểm tra rà soát phương án bảo đảm an toàn các bãi thải, các khu vực mỏ, hầm lò khai thác khoáng sản; chủ động xử lý và có phương án đảm bảo an toàn công trình, khu dân cư lân cận, nhất là trong các tình huống xảy ra mưa, lũ lớn.

10. Sở Tài nguyên và Môi trường: Hướng dẫn thực hiện công tác vệ sinh môi trường. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng kiểm tra xử lý cá nhân, đơn vị khai thác tài nguyên khoáng sản vi phạm các quy định của Luật Phòng, chống thiên tai.

11. Sở Giao thông vận tải: Lập phương án đảm bảo giao thông thông suốt cho người và các phương tiện khi có sự cố thiên tai xảy ra; chuẩn bị đầy đủ vật tư, bố trí lực lượng, phương tiện sẵn sàng ứng cứu, khắc phục khi có sự cố thiên tai. Trong đó, quan tâm đặc biệt đến các tuyến đường trọng điểm, các khu vực đường xung yếu, cầu yếu, sạt lở đất để ứng cứu, thay thế khi có sự cố ách tắc giao thông đảm bảo giao thông trong thời gian nhanh nhất.

12. Sở Lao động Thương binh và xã hội: Tham mưu, đề xuất, triển khai thực hiện chính sách an sinh xã hội, bảo trợ xã hội, cứu đói, thăm hỏi động viên và hỗ trợ kịp thời cho dân cư khu vực bị thiệt hại do thiên tai; bảo đảm cuộc sống, ổn định, an sinh cho nhân dân.

13. Sở Y tế: Chuẩn bị đầy đủ lực lượng cán bộ y tế; dự trữ đủ cơ số thuốc; phương tiện vật tư y tế cần thiết đáp ứng nhu cầu cứu thương, phòng ngừa bệnh dịch; hướng dẫn cho cộng đồng dân cư về kỹ thuật cấp cứu thông thường, biện pháp vệ sinh, xử lý môi trường vùng bị thiên tai. Cấp cứu nạn nhân bị tai nạn thiên tai; tham gia cứu hộ, cứu nạn.

14. Sở Xây dựng: Chủ động triển khai khắc phục nhanh tình trạng ngập úng khi mưa lớn. Tăng cường kiểm tra các công trình công cộng đã hết thời hạn sử dụng; các công trình có nguy cơ mất an toàn khi thiên tai xảy ra; hướng dẫn sửa chữa, gia cố nhà ở, trong đó chú trọng các biện pháp kỹ thuật ứng phó với các loại thiên tai nguy hiểm như mưa lớn, sạt lở đất, lốc xoáy, mưa đá.

15. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính: Cân đối, ưu tiên bố trí nguồn ngân sách, Quỹ phòng chống thiên tai, các nguồn kinh phí khác để đảm bảo yêu cầu nhiệm vụ ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai năm 2018.

16. Sở Thông tin và Truyền thông: Phối hợp chặt chẽ với Công ty Viễn thông tỉnh đảm bảo thông tin thông suốt từ Trung ương đến địa phương trong mọi tình huống; chú trọng đảm bảo thông tin ở những nơi vùng cao, sóng kém, đảm bảo thông tin thông suốt phục vụ ứng phó với các cấp độ thiên tai.

17. Các tổ chức Đoàn thể:

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh là đầu mối vận động ủng hộ, tiếp nhận cứu trợ và phân phối kịp thời hàng ủng hộ cứu trợ cho các đối tượng bị thiệt hại do thiên tai; phối hợp với các Sở, ngành, tổ chức Đoàn thể liên quan tổ chức thăm hỏi những gia đình bị thiệt hại do thiên tai gây ra.

- Các tổ chức đoàn thể khác theo chức năng nhiệm vụ của mình xây dựng và triển khai Phương án PCTT của ngành, thực hiện nhiệm vụ theo thông báo phân công của ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh. Tuyên truyền, hướng dẫn các địa phương, đơn vị chấp hành nghiêm chỉnh Pháp Luật về phòng, chống thiên tai; lập kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự, an toàn tính mạng và tài sản của nhân dân, bảo vệ các kho tàng, công trình quan trọng của nhà nước, tổ chức thăm hỏi động viên người bị nạn, ổn định cuộc sống.

18. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã

- Xây dựng và phê duyệt Phương án ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai năm 2018 sát với tình hình thực tế tại địa phương; phù hợp với điều kiện địa phương. Phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng cho cấp xã, các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn; thành lập đội xung kích và lực lượng tại chỗ đảm bảo quân số đáp ứng yêu cầu thực hiện phương án; chủ động điều chỉnh kế hoạch bổ sung đảm bảo đủ lực lượng, trang thiết bị, phương tiện, nhu yếu phẩm thiết yếu để có thể huy động kịp thời khi có thiên tai xảy ra. Xây dựng phương án cụ thể trong việc tổ chức di dời, bảo vệ người dân ở vùng chịu ảnh hưởng của mưa bão, lũ ống, lũ quét, sạt lở đất đến nơi an toàn; chủ động ngân sách địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định để đáp ứng yêu cầu ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai năm 2018.

- Theo dõi, cập nhật diễn biến thời tiết, thiên tai để báo cáo kịp thời cho Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh (*Văn phòng Thường trực Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh*) để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

19. Các sở, ngành, các cơ quan đơn vị, các tổ chức, cá nhân: Thường xuyên theo dõi thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng về tình hình thiên tai để chủ động ứng phó với thiên tai; chuẩn bị sẵn sàng phương tiện, vật tư, lực lượng để tham gia công tác ứng phó khi được sự huy động của Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp.

II. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ Phương án ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai năm 2018 được UBND tỉnh phê duyệt, các sở, ban, ngành, đoàn thể; Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện.

2. Các cơ quan Trung ương, Doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh phải chủ động xây dựng và phê duyệt Phương án ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai năm 2018 phù hợp với đặc điểm, tình hình của đơn vị; phối hợp tích cực với các sở, ban, ngành tỉnh trong công tác ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai năm 2018.

3. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*cơ quan thường trực phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh*) tổ chức kiểm tra, đôn đốc hướng dẫn các sở, ban, ngành, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, các đoàn thể, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và cá nhân liên quan trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện tốt Phương án này. /.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Thế

Phụ biểu 01: TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỀU TRA, ĐÁNH GIÁ CHỖ Ơ AN TOÀN NĂM 2018 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI



Thực hiện theo Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai năm 2018 trên địa bàn tỉnh Lào Cai)

I. THÔNG TIN ĐỊA PHƯƠNG

TT	DVT	Toàn tỉnh	Bảo Yên	Bảo Thắng	Văn Bàn	Bát Xát	Mường Khương	Bắc Hà	Sì Ma Cai	Sa Pa	TP Lào Cai	
1	Số huyện, thành phố	9										
2	Số xã	164	18	15	23	23	16	21	13	18	17	
3	Tổng số hộ điều tra	Hộ	108.699	20.481	14.844	13.225	17.013	11.225	13.467	5.643	11.996	805
4	Tổng số hộ hiện có	Hộ	165.027	20.481	30.187	19.623	17.013	13.467	7.110	11.996	32.019	
5	Tổng số người	người	713.513	86.870	110.520	90.275	77.554	62.863	65.277	36.816	61.414	121.924
6	Nam	người	361.318	45.154	55.976	45.770	39.547	31.689	33.627	18.532	30.209	60.814
7	Nữ	người	352.195	41.715	54.544	44.505	38.007	31.174	31.650	18.285	31.205	61.110
8	Trẻ em dưới 6 tuổi	người	95.061	11.105	23.172	8.360	9.120	7.126	8.578	5.294	9.815	12.491
9	Người già trên 60 tuổi	người	57.016	7.339	8.983	5.453	4.332	4.230	4.163	1.463	6.001	15.052
10	Người khuyết tật	người	4.347	896	696	477	452	255	212	240	261	858
11	Dân tộc Kinh	người	244.736	22.120	71.064	7.903	15.388	7.142	10.376	1.544	12.043	97.156

II. TỔNG HỢP THÔNG TIN KHẢO SÁT

1	Tổng số hộ đã bị thiệt hại do lũ quét, sạt lở đất hoặc thiên tai nguy hiểm (trong 05 năm gần đây)	Hộ	12.942	2.110	633	1.527	3.094	2.027	796	612	1.624	519
		người	58.178	8.889	2.658	6.666	13.925	8.216	3.852	3.400	8.496	2.076
2a	Số hộ xuất hiện dấu hiệu: vết nứt trên sườn đồi, nền nhà, tường nhà; cây nghiêng đổ.	Hộ	4.341	1.243	60	555	501	336	147	161	1.030	308
		người	17.313	4.977	252	2.541	2.255	1.367	663	796	3.230	1.232
2b	Số hộ trước và sau nhà có mái dốc (taluy âm/dương) có độ dốc cao.	Hộ	15.315	2.739	613	1.902	4.878	1.707	232	1.063	1.653	528
		người	65.047	11.482	2.574	7.987	21.951	6.873	1.044	5.477	5.547	2.112
2c	Số hộ gần mái dốc không có tường chắn, kê chống sạt lở, rãnh thoát nước, cây xanh.	Hộ	12.453	2.201	566	1.492	4.185	1.303	206	1.019	1.063	418
		người	55.637	9.197	2.377	5.218	18.839	5.234	927	6.180	5.993	1.672
2d	Số hộ phía trên có đào ao, hồ phục vụ sinh hoạt, sản xuất (nuôi cá, thả vịt...)	Hộ	2.037	436	8	164	272	63	96	43	912	43
		người	10.485	1.930	34	1.126	1.225	260	432	227	5.079	172
2e	Số hộ xung quanh không có rừng phòng hộ	Hộ	27.015	4.817	1.024	7.670	4.546	3.741	-	2.412	2.359	446
		người	121.485	21.240	4.301	33.911	20.457	15.243	-	11.745	12.804	1.784
3	Chỗ ở nằm ven sông, suối, khe nước; gần công trình hồ đập, ngầm, cầu, cống											
3a	Số hộ phía trên (thượng nguồn) có hồ chứa đã từng xả nước gây ảnh hưởng ngập, sạt, xói lở...	Hộ	1.856	1.319	-	252	119	18	74	5	43	26
		người	8.103	5.335	-	1.491	538	78	336	28	193	104
3b	Số hộ mà phía trên (thượng nguồn) có các đập ngăn tạt.	Hộ	1.220	256	36	151	177	4	413	6	79	98
		người	5.390	1.110	151	876	797	22	1.856	33	153	392
3c	Số hộ gần chỗ ở có công, ngầm qua khe, suối đã từng bị vùi lấp do sạt đá, bùn cát, cây lớn.	Hộ	2.112	616	138	449	456	51	83	14	41	264
		người	8.846	2.255	580	2.034	2.053	212	373	73	210	1.056
4	Số hộ nằm gần hoặc dưới các bãi khai thác khoáng sản, các bãi thải vật liệu lún.	Hộ	918	237	115	162	152	1	32	-	131	88
		người	4.802	937	937	1.085	687	3	144	-	657	352
5	Chỗ ở có sự hỗ trợ, chuẩn bị											



5a	Số hộ không thường xuyên, không tiếp nhận thông tin cảnh báo	Hộ	12.136	1.003	22	1.233	4.893	892	267	2.144	1.209	473	
	người	58.967	3.981	93	5.396	22.019	3.573	1.201	10.001	10.811	1.892		
5b	Số hộ không biết cách phòng ngừa, ứng phó khi xảy ra lũ quét, sạt lở đất	Hộ	12.642	783	12	1.387	5.146	1.054	225	2.292	1.567	176	
	người	62.628	3.114	50	6.270	23.157	4.256	1.012	11.536	12.529	704		
5c	Số hộ không hoặc thiếu kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm, ăn, nước uống, thuốc chữa bệnh, đèo dốc, địa điểm trú ẩn...	Hộ	14.260	853	34	1.475	5.752	1.168	371	2.523	1.915	169	
	người	69.871	3.391	142	7.365	25.884	4.693	1.669	12.212	13.839	676		
5d	Nhà đang ở dạng	Hộ	165.027	20.481	30.187	19.623	17.013	13.131	13.467	7.110	11.996	32.019	
	người	713.513	86.870	110.520	90.275	77.554	62.863	65.277	36.816	61.414	121.924		
	Số hộ có nhà sàn:	Hộ	9.354	2.901	83	3.418	21	7	1.459	805	448	212	
	người	39.477	12.305	304	15.724	105	33	5.836	3.220	1.143	807		
	Số hộ có nhà gỗ:	Hộ	58.783	9.551	2.970	4.904	10.500	7.361	7.819	4.069	8.681	2.928	
	người	265.578	40.510	10.874	22.560	47.706	36.472	31.276	16.276	48.754	11.150		
	Số hộ có nhà tranh:	Hộ	3.655	376	1.778	343	261	63	126	8	148	552	
	người	14.505	1.595	6.510	1.577	1.284	260	504	32	641	2.102		
	Số hộ có nhà xây:	Hộ	91.768	7.653	25.356	10.958	6.231	5.700	4.063	761	2.719	28.327	
	người	379.709	32.460	92.832	50.414	28.459	26.098	27.661	3.044	10.876	107.865		
	6	Số hộ có nhà ở chính không đảm bảo chống lốc xoáy.	Hộ	39.977	8.609	4.741	4.509	10.958	3.910	1.062	2.569	3.084	535
	người	170.045	35.725	19.912	19.310	49.311	15.725	4.248	11.338	12.336	2.140		
7	Số hộ có nhà ở chính không đảm bảo phòng chống mưa đá lớn	Hộ	43.774	7.890	4.741	5.357	11.158	4.916	3.685	2.663	3.025	339	
người	184.642	31.804	19.912	22.895	50.211	19.863	14.740	11.761	12.100	1.356			
8	Số hộ gia đình có đề nghị Nhà nước hỗ trợ củng cố chỗ ở bảo đảm an toàn	Hộ	29.056	3.017	1.616	2.306	14.176	2.120	935	2.517	1.075	694	
người	132.131	12.653	6.786	8.373	66.493	8.762	3.740	11.365	11.183	2.776			
8a	Số hộ Cam kết di dời khẩn cấp và đề nghị hỗ trợ kinh phí di chuyển	Hộ	1.308	533	96	118	70	212	32	59	51	137	
người	6.570	2.309	403	754	315	1.123	128	723	267	548			
8b	Số hộ Đề nghị được vay vốn ưu đãi để củng cố chỗ ở đảm bảo an toàn	Hộ	15.251	1.619	808	1.233	7.353	1.171	556	1.424	740	347	
người	68.428	6.688	3.393	4.342	33.089	4.864	2.224	6.640	5.800	1.388			
8c	Số hộ Đề nghị hỗ trợ pháp lý để xây kè, mở rộng hoặc giám sát mái ta luy	Hộ	12.337	865	712	955	7.353	737	347	924	234	210	
người	55.333	3.656	2.990	3.277	33.089	3.042	1.388	4.002	3.049	840			

III. ĐÁNH GIÁ CHỖ Ở AN TOÀN

1	Chỗ ở an toàn	Hộ	122.278	11.339	25.350	17.559	5.785	8.003	9.750	4.288	8.857	31.347
		Tỷ lệ %	74,10	55,36	83,98	89,48	34,00	60,95	72,40	60,31	73,83	97,90
2	Chỗ ở kém an toàn	Hộ	41.378	8.609	4.741	1.946	11.158	4.916	3.685	2.763	3.025	535
		Tỷ lệ %	25,07	42,03	15,71	9,92	65,59	37,44	27,36	38,86	25,22	137,00
3	Chỗ ở cần di dời khẩn cấp	Hộ	1.371	533	96	118	70	212	32	59	114	137
		Tỷ lệ %	0,83	2,60	0,32	0,60	0,41	1,61	0,24	0,83	0,95	0,43

Phụ biểu 02: TỔNG HỢP CÁC ĐIỂM XÂY RA SẠT LỠ ĐẤT ĐÁ, LŨ QUÉT

(Kèm theo Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai năm 2018 trên địa bàn tỉnh Lào Cai)

TT	Huyện/TP	Số điểm lũ quét	Quy mô sạt trượt (m3)				Ghi chú
			> 200	200- 1000	1000- 20000	<20000	
1	Văn Bàn	2	71	18	7	1	
2	Bảo Thắng	34	26	5	3		
3	Bảo Yên	55	33	18	3	1	
4	Bát Xát	72	24	28	19	1	
5	TP Lào Cai	10	5	4	1		
6	Mường Khương	56	39	15	2		
7	Bắc Hà	54	26	23	5		
8	Si Ma Cai	20	14	4	2		
9	Sa Pa	47	26	15	5	1	
10	Cộng	445	264	130	47	4	

2

Phụ biểu 03: PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM HUY ĐỘNG LỰC LƯỢNG, PHƯƠNG TIỆN, VẬT TƯ, NHU YẾU PHẨM



Thực hiện theo Phương án ứng phó thiên tai cấp độ rủi ro thiên tai năm 2018 trên địa bàn tỉnh Lào Cai

TT	Danh mục	Số Lượng	Nguồn huy động	Đơn vị đảm nhiệm
1	Nguồn nhân lực cứu	10.590	Lực lượng tự vệ cơ động địa phương, các cơ quan, đơn vị; các tổ chức, cá nhân	Lực lượng vũ trang (BCH Quân sự tỉnh, BCH Biên phòng, Công an tỉnh: 1.550 người), các sở, ngành huyện, TP, DN 1.240 người, các xã phường thị trấn 7.800 người (mỗi xã 48 người)
-	Lực lượng thường trực sẵn sàng ứng cứu	3.177		BCH Quân sự tỉnh, BCH Biên phòng, Công an tỉnh: 465 người, Các sở, ngành huyện, TP, DN 369 người, các xã phường thị trấn 2343 người (mỗi xã 14 người)
-	Lực lượng huy động	7.413		BCH Quân sự tỉnh, BCH Biên phòng, Công an tỉnh: 1085 người, Các sở, ngành huyện, TP, DN 861 người, các xã phường thị trấn 5467 người (mỗi xã 33 người)
2	Phương tiện và trang thiết bị			
-	Xuồng Máy	Chiếc	5	TP Lào Cai 01, Chi cục Kiểm Lâm 01, Bộ CHQS 1; Bộ chỉ huy Biên phòng 2.
-	Áo Phao	Cái	700	BCH Quân sự tỉnh 50, BCH Biên phòng 30, Công an tỉnh 20, Văn phòng UBND tỉnh 10; Sở GD và ĐT 20, Đài PT-TH tỉnh 10, VP TT BCH PCTT 10, CC Kiểm lâm 20, TP Lào Cai 110, huyện Văn Bàn 90, Bảo Thắng 110, Bảo Yên 90, Bát Xát 80; Bắc Hà 20; Si Ma Cai 10, Mường Khương 10, Sa Pa 10.
-	Phao Tròn	Cái	1.460	BCH Quân Sự tỉnh 130, BCH Biên Phòng 80, Sở Giao Thông 70, Sở NN&PTNT 20, Công an tỉnh 20, Sở GD và ĐT 200, Đài PT-TH tỉnh 10, VP TT BCH PCTT 40, TP Lào Cai 150, huyện Văn Bàn 130, Bảo Thắng 120, Bảo Yên 180, Bát Xát 130, Bắc Hà 80, Si Ma Cai 40, Mường Khương 30, Sa Pa 30.
-	Nhà bạt các loại	Bộ	43	BCH Quân Sự tỉnh 7, BCH Biên Phòng 5, Văn phòng TT PCLB tỉnh 3, Công an tỉnh 2, CC Kiểm lâm 2, TP Lào Cai 3, huyện Văn Bàn 3, Bảo Thắng 5, Bảo Yên 5, Bát Xát 5, Sa Pa 2, Si Ma Cai 1
-	Máy phát điện	Máy	10	Các huyện, TP, Ban chỉ huy PCTT tỉnh
-	Cưa máy	Máy	34	Ban chỉ huy PCTT huyện Sa Pa, Bát Xát
-	Xe con	Chiếc	38	BCH Quân Sự tỉnh 5 xe, BCH Biên Phòng 4 xe, Mỗi Sở ngành là thành viên BCH PCLB tỉnh 01 xe (Tương đương 25 xe); mỗi huyện, TP 01 xe. Riêng Sở NN&PTNT 03 xe
-	Xe tải	Chiếc	5	BCH Quân sự 02, Công an tỉnh 03

TT	Danh mục	ĐVT	Số Lượng	Nguồn huy động	Đơn vị đảm nhiệm
-	Xe cứu thương	chiếc	13		BCH Quân Sự tỉnh 1xe, BCH Biên Phòng 1xe, Sở Y tế 2 xe. mỗi huyện, thành phố 01 xe
-	Xe chở người	chiếc	23		Sở Giao thông vận tải 05 xe, Mỗi huyện, thành phố 02 xe
-	Xe tải	chiếc	23		Sở Giao thông vận tải 05 xe, Mỗi huyện, thành phố 02 xe
	Máy bơm nước	chiếc	3		Huyện Bát Xát 01, Sa Pa 01, Chi cục Kiểm lâm tỉnh 01
-	Máy xúc, máy đào	Chiếc	18		Mỗi huyện 02 xe
3	Giống, vật tư NN phục hồi sản xuất				Sở Nông nghiệp
-	Lúa giống	tấn	20	Thị trường tự do	Trung tâm Giống
-	Phân bón các loại	tấn	2.000	Thị trường tự do	
-	Phân NPK	tấn	1.000	Thị trường tự do	Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp
-	Phân URÊ	tấn	800	Thị trường tự do	nt
-	Phân bón loại khác	tấn	200	Thị trường tự do	nt
4	Lương thực, thực phẩm, vật tư				Sở Công Thương
-	Gạo	Tấn	10.000	Kho Cam Đường	Công ty lương thực
-	Muối ăn	Tấn	50	Các huyện	Công ty CP thương mại Lào Cai
-	Bột canh	gói	50.000	Thị trường tự do	
-	Mỳ tôm	thùng	40.000	Thị trường tự do	Công ty CP thương mại Lào Cai
-	Sữa (các loại)	kiện	10.000	Thị trường tự do	
-	Xăng, dầu	m3	1.500		Tại các cửa hàng ở các huyện thuộc Cty xăng dầu Lào Cai
-	Tầm lợp các loại	tầm	30.000	Thị trường tự do	Tại các huyện
5	Y Tế				Sở Y Tế
-	Thuốc khử trùng	tấn	2	Tại các huyện	Trung tâm y tế dự phòng tỉnh
-	Thuốc chữa bệnh	cơ số	18	Tại các huyện	Trung tâm y tế dự phòng tỉnh



Biểu 04: THỐNG KÊ PHƯƠNG TIỆN, TRANG THIẾT BỊ PCTT VÀ TKCN
ĐẾN THỜI ĐIỂM O GIỜ NGÀY 01/03/2016

Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai năm 2018 trên địa bàn tỉnh Lào Cai

TT	Trang	Đơn vị	Nguồn	Thời điểm ngày 1/3/2016	Nhu cầu đến 31/12/2020	Cần bổ sung	Phân kỳ nhu cầu hàng năm					Ghi chú
							2016	2017	2018	2019	2020	
1	TỔNG TOÀN TỈNH			14.832	32.218	17.386	(14.832)	16.805	18.421	19.672	32.218	
1	Xe cứu hộ PCCR	chiếc	Mua sắm	1	2	1	-	1	-	-	-	
2	Xe chữa cháy	Chiếc	Bộ CA	9	13	4	1	1	1	1		
3	Ô tô phục vụ BVR - PCCCR	Chiếc	Kiểm lâm	13	20	7	2	1	3	1		
4	Xuồng các loại			17	57	40	20	5	5	5	5	
-	Xuồng ST 750	Chiếc	QK cấp	1	7	6	1	1	2	1	1	
-	Xuồng ST 660	Chiếc	QK cấp	2	15	13	3	3	3	3	1	
-	Xuồng ST 450	Chiếc	DTQG	7	21	14	6	3	3	1	1	
-	Xuồng Máy <200 ML	Chiếc	Bộ công an	7	14	7	3	2	1	1	-	
5	Nhà bạt các loại			216	1.207	991	336	227	169	130	87	
-	Nhà bạt 60m2	Bộ	QK + DTQG	18	282	264	70	50	50	64	30	
-	Nhà bạt 24,75m2	Bộ	QK + DTQG	32	226	194	60	45	50	20	19	
-	Nhà bạt 16,5m2	Bộ	QK + DTQG	113	301	188	55	47	23	14	7	
-	Nhà bạt các loại khác	Bộ	Bộ CA + KI.	52	205	153	57	35	27	16	18	
-	Dù tiêu đội	Cái	Tự Mua	-	99	99	44	25	13	9	8	
-	Dù trung đội	Cái	Tự Mua	-	61	61	35	15	3	5	3	
-	Dù đại đội	Cái	Tự Mua	1	33	32	15	10	3	2	2	
6	Phao các loại			3.357	4.792	1.435	329	1.248	313	156	189	
-	Phao áo cứu sinh	chiếc	QK + DTQG	1.815	2.629	814	217	442	172	112	141	
-	Phao tròn cứu sinh	chiếc	QK + DTQG	1.537	2.127	590	102	798	135	40	45	
-	Phao tự thổi	chiếc	QK + DTQG	1	20	19	5	5	4	3	2	
-	Phao bè	chiếc	QK + DTQG	4	16	12	5	3	2	1	1	
7	Trang thiết bị khác			11.219	26.127	14.908	5.991	3.368	2.488	1.616	1.413	
-	Máy phát điện các loại	chiếc	Bộ CA + KI.	526	774	248	82	55	42	39	31	
-	Máy bơm nước các loại	chiếc	Bộ CA + KI.	37	224	187	68	38	32	27	23	
-	Máy cưa cầm tay các loại	chiếc	Bộ CA + KI.	85	290	205	57	43	35	31	39	
-	Máy khoan cắt bê tông	chiếc	Bộ công an	2	124	122	50	39	15	10	8	
-	Giường USA	Cái	Tự mua	8	8	-						
-	Máy định vị	Cái	Q. Khu + KI.	44	205	161	53	32	26	22	28	
-	Cuộc bàn	Cái	Tự mua	250	250	-						
-	Xăng lo	Cái	TM+ DA	140	140	-						
-	Dao phát, dao tổng	Chiếc	Tự mua + KI.	770	1.630	860	450	200	150	60		



TT	Trang thiết bị	Đơn vị tính	Nguồn	Thời điểm ngày 1/3/2016	Nhu cầu đến 31/12/2020	Cần bổ sung	Phân kỳ nhu cầu hàng năm					Ghi chú
							2016	2017	2018	2019	2020	
-	Đệm nhà bạt	Chiếc	DTQG	5	42	37	20	17				
-	Đệm hơi cứu nạn	Chiếc	Bộ Công an	2	6	4	4	-		-	-	
-	Máy báo lương mìn	Chiếc	Viện trợ	3	36	33	17	9	5	2	-	
-	Máy phát thanh kh	Chiếc	Viện trợ	9	37	28	10	7	5	3	3	
-	Máy thổi gió	Chiếc	Kiểm lâm	9	22	13	7	-	3	-	3	
-	Máy cắt cỏ	Chiếc	Kiểm lâm	2	16	14	14					
-	Máy tính nổi mạng	Chiếc	Kiểm lâm	35	35	-						
-	Điện thoại	Chiếc	Kiểm lâm	56	56	-						
-	ống nhôm	Chiếc	Kiểm lâm	13	32	19	9	3	4	2	1	
-	Loa cầm tay	Chiếc	QS +KL	176	617	441	130	97	73	62	79	
-	Bình bơm nước đeo vai	Chiếc	Kiểm lâm	2	696	694	250	150	120	100	76	
-	Bình bột	Bình	Kiểm lâm	176	176	-						
-	Bộ đàm	Chiếc	Kiểm lâm	132	300	168	65	31	46	2	24	
-	Trạm khí tượng	Trạm	Kiểm lâm	9	11	2	1	1	-	-	-	
-	Quần áo chữa cháy	Chiếc	Kiểm lâm	150	200	50	50	-		-		
-	Bồn chứa nước	Chiếc	Kiểm lâm	8	24	16	5	5	3	-	3	
-	Bàn dập	Chiếc	Kiểm lâm	340	340	-						
-	Giấy đi rừng	Đôi	Kiểm lâm	300	600	300	150	-	100	-	50	
-	Mũ bảo hộ	Chiếc	Kiểm lâm	1.126	1.911	785	250	150	150	140	95	
-	Đèn pin	Chiếc	Kiểm lâm	105	1.526	1.421	481	350	250	190	150	
-	Bình tổng dụng nước	Bình	Kiểm lâm	1.695	3.410	1.715	570	350	280	300	215	
-	Cào răng	Chiếc	Kiểm lâm	18	18	-						
-	Túi cứu thương	Bộ	Kiểm lâm	14	14	-						
-	Inmasat	Bộ	Tự mua	1	1	-						
-	Vỏ tuyến CT12	Bộ	Tự mua	3	3	-						
-	CODAN	Bộ	Tự mua	1	1	-						
-	Ứng	Đôi	VT	90	90	-						
-	Dây thừng	Cuộn	VT	10	10	-						
-	Căng cứu thương	Chiếc	DA PCCCR	14	182	168	78	54	13	13	10	
-	Bàn dập lửa	Chiếc	DA Kiểm Lâm	6	788	782	270	189	150	120	53	
-	Bảng cấp dự báo	Chiếc	DA Kiểm Lâm	4	12	8	4	2	2	-	-	
-	Bảng nội quy	Chiếc	DA Kiểm Lâm	270	270	-						
-	Biển báo cấm	Chiếc	DA Kiểm Lâm	54	54	-						
-	Bình bột	Chiếc	DA Kiểm Lâm	40	210	170	72	57	15	13	13	
-	Cầu liềm	Chiếc	Mua sắm	40	40	-						
-	Cước chim	Chiếc	Mua sắm	50	600	550	200	170	80	50	50	

TT	Trang thiết bị	Đơn vị tính	Nguồn	Thời điểm ngày 1/3/2016	Nhu cầu đến 31/12/2020	Cần bổ sung	Phân kỳ nhu cầu hàng năm					Ghi chú
							2016	2017	2018	2019	2020	
-	Dao phát	Chiếc	Mua sắm	2.480	4.110	1.630	768	328	245	150	139	
-	Dao tổng	Chiếc	Mua sắm	10	200	190	190					
-	Đèn xách tay nạp	Chiếc	ĐA Kiểm Lâm	850	1.690	840	350	175	150	60	105	
-	Giày bảo hộ	Chiếc	ĐA Kiểm Lâm	450	1.480	1.030	450	300	170	60	50	
-	Loa cầm tay chỉ huy	Chiếc		15	50	35	25	10	-			
-	Mặt nạ phòng độc M-V5	Chiếc	Quân khu cấp	50	100	50	20	10	10	5	5	
-	Máy xúc	Chiếc	Tự mua	1	5	4	2	1	1	-	1	
-	Quần áo bảo hộ	Bộ	ĐA Kiểm Lâm	46	468	422	170	105	80	30	37	
-	Quần áo chữa cháy rừng	Bộ	ĐA Kiểm Lâm	5	700	695	250	150	129	90	76	
-	Quần áo mưa	Chiếc	VT	90	736	646	290	215	80	20	41	
-	Thiết bị vô tuyến sóng ngắn	Bộ	VNPT	9	11	2	2	-	-	-		
-	Thuyền	Chiếc	Tự mua	10	10	-						
-	Trạm quan trắc khí tượng	Trạm	ĐA Kiểm Lâm	1	16	15	6	3	2	2	2	
-	Trạm vi sát	Trạm	VNPT	5	8	3	2	-	-	1	-	
-	Tuyên vi ba	Tuyên	VNPT, Viettel	56	68	12	3	2	2	2	3	
-	Xéng bộ binh	Chiếc	Tự mua	300	350	50	20	10	10	10	-	
-	Bộ dụng cụ ứng cứu thiên tai	Chiếc	VNPT, Viettel	28	34	6	6	-				
-	Máy bộ đàm cầm tay	Chiếc		20	60	40	20	10	10	-	-	

82

8